

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT ĐẮKLẮK
CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ
BẢO VỆ THỰC VẬT

Số: /BCT - BVTV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày tháng 07 năm 2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH
SINH VẬT GÂY HẠI CÂY TRỒNG THÁNG 07
(Từ ngày 16 tháng 06 đến ngày 15 tháng 07 năm 2022)

Kính gửi : - Cục Bảo vệ thực vật
- Trung Tâm Bảo vệ thực vật Miền Trung

1. Thời tiết trong tỉnh:

- Nhiệt độ: Thấp nhất: 22 - 24⁰C; Cao nhất: 30-33⁰C.
- Độ ẩm trung bình từ: 75 - 80 %.
- Nhận xét khác: Có mây, ngày nắng, chiều tối và tối có mưa rào rải rác và có nơi có dông, đêm có mưa rào và dông vài nơi. Gió tây nam cấp 2. Cần đề phòng lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh trong cơn dông.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

2.1. Tiến độ gieo trồng vụ Hè Thu 2022

Cây trồng hàng năm	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Lúa nước	đẻ nhánh- làm đòng	60.893/60.000
Ngô	phát triển thân lá- trổ cờ	49.081 /52.370
Khoai lang	PTTL	2.740/2.310
Đậu các loại	ra hoa- quả non	10.213/11.000
Đậu xanh	ra hoa- quả non	5.272 /5.900
Đậu nành	ra hoa- quả non	1.114/1.500
Đậu lạc	ra hoa- quả non	2.545/2.500
Rau các loại	Các giai đoạn	4.514/4.820
Sắn	Giâm hom	37.564/40.500
Mía		9.719/14.000
Cây hàng năm khác	Các giai đoạn	8.139/9.000
Cây trồng lâu năm		
Cây cà phê	Quả xanh	213.336
Cây tiêu	Chăm sóc - Ra đọt non	32.840
Cây cao su	Các giai đoạn sinh trưởng	34.333
Cây điều	Quả xanh- chín	27.702
Ca cao	Các giai đoạn sinh trưởng	1.140
Cây ăn quả các loại	Các giai đoạn sinh trưởng	42.957
Cây trồng khác	Các giai đoạn sinh trưởng	2.141

Theo báo cáo của Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố đến nay vụ Hè thu năm 2022 gieo trồng với tổng diện tích 191.793 ha/203.900 ha, đạt 94,06% kế hoạch. Trong đó, lúa 60.893 ha/60.000 ha, đạt 101,49% kế hoạch (lúa nước 60.522 ha, lúa cạn 371 ha); ngô 49.081 ha/52.370 ha, đạt 93,72% kế hoạch; khoai lang 2.740 ha/2.310 ha, đạt 118,61% kế hoạch; sắn 37.564 ha/40.500 ha, đạt 92,75% kế hoạch; đậu xanh 5.272 ha/5.900 ha, đạt 89,36% kế hoạch; đậu nành 1.114 ha/1.500 ha, đạt 74,27% kế hoạch; đậu lạc 2.545 ha/2.500 ha, đạt 101,80 % kế hoạch; đậu các loại 10.213 ha/ 11.000 ha, đạt 92,85 % kế hoạch; rau xanh 4.514 ha/ 4.820 ha, đạt 93,65 % kế hoạch; mía 9.719 ha/ 14.000 ha, đạt 69,42% kế hoạch; cây hàng năm khác 8.139 ha/9.000 ha, đạt 90,43% kế hoạch (mè 1.443 ha, cỏ 2.518 ha, gừng, nghệ 2.037 ha, cây khác 2.141 ha).

II. TÌNH HÌNH SÂU BỆNH THÁNG 06 NĂM 2022:

* Nhóm cây ăn quả:

1. Trên cây sầu riêng: Rầy bông (rầy phần, tua trắng) TLH 3-25%, DTN 34 ha (Ea Kar, Krông Búk, Krông Pắc, Krông Năng); Rầy nhậy TLH 5-17% DTN 05ha (Krông năng); Sâu đục quả TLH 7-20% DTN 10ha (EaKar); Bệnh đốm rong (tảo) TLH 3-24% DTN 11 ha (Krông Pắc, TX Buôn Hồ); Bệnh thán thư TLH 5-20% DTN 11 ha (Krông Pắc, CưKuin, Tx. Buôn Hồ); Bệnh cháy lá, chết đọt TLH 7-20% DTN 06ha (EaKar); Bệnh thối trái TLH 8-15% DTN 04ha (EaKar); Bệnh chảy gôm TLH 9-15% DTN 2,5ha (Kr. Năng). Một đục cành, bệnh héo chết nhanh do nấm *Phytophthora*,...gây hại rải rác.

2. Trên cây có múi (cam quýt): Sâu vẽ bùa TLH 20-25% DTN 10 ha (Ea Kar); Sâu cuốn lá TLH 8-25% DTN 04ha (EaKar); Bệnh Greening TLH 10-35% DTN 4,5 ha (Ea Kar); Ruồi đục trái, sâu tiện vỏ, dòi đục lá, sâu đục thân, thán thư, bệnh vàng lá gân xanh gây hại rải rác.

3. Trên cây nhãn: Sâu đục quả TLH 10-20% DTN 2,5ha (Ea Kar). Một số sâu bệnh khác gây hại rải rác không đáng kể.

4. Trên cây Bơ: Bọ xít muỗi TLH 5-16% DTN 02 ha (Kr. Năng); Một số sâu bệnh khác gây hại rải rác không đáng kể.

5. Trên cây chanh leo: Bệnh đốm nâu TLH 6-22% DTN 3,5ha (EaKar). Ruồi đục quả TLH 5-15% DTN 04ha (TX Buôn Hồ, EaKar).

* Nhóm cây CN lâu năm:

6. Trên cây ca cao: Bọ xít muỗi TLH 8-25% DTN 7 ha (Ea Kar); Bệnh cháy lá TLH 15-30% DTN 05 ha (Ea Kar); Bệnh muội đen TLH 8-25% DTN 09ha (EaKar). Một số sâu bệnh khác gây hại rải rác không đáng kể.

7. Trên cây cà phê: Bệnh gỉ sắt TLH 3-25% DTN 28ha (Krông Búk, Krông Pắc, Ea Kar, TX Buôn Hồ); Bệnh khô cành TLH 2-25% DTN 28,5 ha (Krông Búk, Ea Kar, TX Buôn Hồ, Krông Pắc, Krông Năng, Cư Kuin); Bệnh đốm mắt cua TLH 14-25% DTN 07 ha (Krông Pắc); Bệnh nấm hồng TLH 3-10% DTN 06ha (Tx. Buôn Hồ, Krông Búk). Rụng quả cà phê TLH 7-10% DTN 03ha (CưKuin); Rệp sáp TLH 3-20% DTN 35 ha (TX Buôn Hồ, Krông Búk, Krông Năng, Eakar) giảm 06ha so với kỳ trước; Rệp vảy (xanh, nâu) TLH 4-26% DTN 19 ha (Tx. Buôn Hồ, Krông Năng, Krông Pắc); Một đục

cành TLH 3-5% DTN 06 ha (TX Buôn Hồ); Bọ cánh cứng ăn lá cà phê TLH 4-18% DTN 07ha (Krông Năng); Sâu đục thân mình hồng TLH 8-25% DTN 09ha (EaKar) và Các loại sâu, bệnh hại khác gây hại không đáng kể.

7. Trên cây điều: Bệnh thán thư TLH 5-35%, DTN 24 ha (Krông Búk, Ea Kar) giảm 12ha so với kỳ trước; Bọ xít muỗi TLH 4-25%, DTN 25 ha (Krông Búk, Ea Kar, Krông Pắc) giảm 03ha so với kỳ trước; Sâu đục thân, cành TLH 3-7% DTN 02ha (Krông Pắc). Một số sâu bệnh khác gây hại rải rác không đáng kể.

8. Trên cây hồ tiêu: Bệnh vàng lá chết chậm TLH 1-25%, DTN 123,3 ha (Buôn Đôn, Cư M'gar, TX Buôn Hồ, Ea Kar, Krông Pắc, Krông Búk, Krông Năng, Cư Kuin) tăng 06ha so với kỳ trước; Bệnh chết nhanh TLH 1-15%, DTN 60,4 ha (Cư Kuin, Buôn Đôn, Tx.Buôn Hồ, Krông Pắc, Ea Kar) tăng 6,8ha so với kỳ trước; Bệnh đốm tảo TLH 5-25%, DTN 16 ha (Tx.Buôn Hồ, Krông Pắc, Krông Buk); Bệnh nấm hồng TLH 10-35% DTN 13ha (EaKar); Bệnh thán thư 4-15%, DTN 07 ha (Krông Pắc, Cư Kuin); Tuyến trùng TLH: 6-15%, DTN 11 ha (TX Buôn Hồ, CưKuin); Bọ xít lưới TLH 5-30% DTN 33ha (Ea Kar, Cư Kuin, Krông Năng, Krông Buk, Krông Pắc); Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

*** Nhóm cây CN ngắn ngày:**

9. Trên cây sắn (mì): Khảm lá do virus gây hại TLH 5-90%, DTN 53 ha (Ea Súp) tương đương so với kỳ trước; Đốm lá do vi khuẩn TLH 8-25% DTN 04ha (EaKar). Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

10. Trên cây mía: Sâu đục thân TLH 10-15% DTN 08 ha (Ea Kar); Bệnh phân trắng TLH 8-25% DTN 05ha (EaKar). Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

*** Nhóm cây lương thực:**

11. Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu TLH 2-35% DTN 11,6ha (Ea Kar, Krông Buk). Sâu cắn lá TLH 2-3% DTN 05ha (TX Buôn Hồ); Sâu đục bắp TLH 1-3% DTN 3,5ha (TX. Buôn Hồ); Đốm lá nhỏ TLH 2-4% DTN 03ha (TX. Buôn Hồ) và Các loại sâu, bệnh khác gây hại không đáng kể.

12. Trên cây lúa:

*** Lúa vụ Hè thu 2022:** Ốc bươu vàng TLH 1-25% DTN 16ha (Krông Pắc, EaKar); Bọ trĩ TLH 5-25% DTN 14,5ha (Krông Pắc, EaKar, TX. Buôn Hồ); Sâu đục thân TKLH 10-35% DTN 09ha (EaKar); Sâu năn (muỗi hành) TLH 7-10% DTN 02ha (CưKuin); Bệnh đạo ôn lá TLH 5-7% DTN 05ha (CưKuin); Nghẹt rễ TLH 15-20% DTN 05ha (EaSup); Bệnh sinh lý do thiếu vi lượng TLH 7-10% DTN 03ha (CưKuin) và Các loại sâu, bệnh khác gây hại không đáng kể.

*** Nhóm cây rau màu:**

13. Bầu bí: Bệnh giả sương mai TLH 5-14% DTN 05ha (Krông Pắc); Bọ trĩ TLH 12-22% DTN 03ha (Krông Pắc), Bệnh lở cổ rễ TLH 3-5% DTN 01 ha (CưKuin) gây hại trên mướp đắng.

14. Hành tỏi: Dòi đục lá TLH 8-25% DTN 01 ha (EaKar); Bệnh thối nhũn TLH 8-18% DTN 2,5ha (EaKar); Bệnh đốm vòng TLH 8-20% DTN 2,8ha (EaKar) và Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

13. Ớt: Bệnh thán thư TLH 10-25% DTN 04 ha (Ea Kar); Ruồi đục trái Ớt TLH: 8-20% DTN 2,4ha (EaKar). Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

14. Rau thập tự: Sâu tơ TLH 7-25% DTN 06ha (Krông Pắc; Ea Kar); Rệp muội TLH 10-19, DTN 03ha (Krông Pắc); Sâu xanh bướm trắng TLH 1-3% DTN 1,3 ha (Tx.Buôn Hồ); Bọ nhảy TLH 3-6% DTN 1,5 ha (Tx. Buôn Hồ, CưKuin). Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH SÂU BỆNH THÁNG 07 NĂM 2022:

1. Trên lúa vụ Hè thu sớm: OBV, chuột bắt đầu gây hại giai đoạn xuống giống- mạ. Bọ trĩ, sâu keo, sâu cuốn lá nhỏ... rầy nâu, bệnh đạo ôn lá gây hại giai đoạn mạ- đẻ nhánh.

2. Trên cây cà phê: Rệp sáp hại cành, rệp vảy nâu, vảy xanh, một đục cành Bệnh gỉ sắt, bệnh khô cành, khô quả gây hại rải rác trên cây cà phê giai đoạn quả xanh – chín bói.

3. Trên cây tiêu: Bệnh chết nhanh, chết chậm, tuyến trùng rễ, rệp sáp gốc, cành...gây hại giai đoạn ra hoa.

4. Trên rau các loại: Trên các loại rau màu thực phẩm: Cần chú ý các đối tượng sâu tơ, xoắn lá virus hại cây cà chua, bệnh sưng rễ hại bắp cải, bệnh lở cổ rễ...

5. Trên ngô, đậu: Sâu keo mùa Thu, sâu đục thân, đục quả bắp, bệnh đốm lá, bệnh khô vằn... gây hại trên ngô giai đoạn trổ cờ - thâm râu - tạo quả. Sâu ăn lá, sâu xanh, sâu khoang, bệnh rỉ sắt, bệnh lở cổ rễ, thối rễ, sâu đục thân, gây hại rải rác.

6. Trên cây sắn: Bệnh khảm lá virus tiếp tục gây hại, bọ phấn, rệp sáp bột hồng, nhện đỏ gây hại cục bộ, bệnh chổi rồng, bệnh đốm lá, cháy lá vi khuẩn...gây hại rải rác trên cây sắn giai đoạn phát triển thân lá.

7. Trên cây điều: Bọ xít muỗi, rệp sáp, sâu đục thân, cành, sâu cuốn lá, sâu đục nõn, bệnh thán thư tiếp tục phát sinh gây hại mạnh, hại nặng cục bộ những vườn chăm sóc kém.

8. Trên ca cao: Bọ xít muỗi, rệp sáp, sâu đục thân, bệnh thối quả, khô ngược cành, câu câu ăn lá, bộ gặm nhấm gây hại rải rác.

9. Trên cây mía: Bệnh chổi cỏ tiếp tục phát sinh gây hại, đặc biệt tại những ruộng chưa được tiêu hủy hoặc tiêu hủy chưa triệt để, mía trồng mới không sạch bệnh, Sâu đục thân, sùng đục gốc, bệnh đốm lá, bệnh bạc trắng lá phát sinh gây hại rải rác.

10. Trên cây cao su: Bệnh xì mủ thân cành, bệnh loét sọc miệng cạo, bệnh nấm hồng phát sinh gây hại rải rác.

11. Cây sầu riêng, Bơ, Thắc long: Bệnh nứt thân xì mủ, bệnh héo chết nhanh do *Phytophthora* trên cây sầu riêng, bệnh đốm nâu thanh long,... phát sinh gây hại tăng do điều kiện thời tiết mưa nhiều và ẩm độ cao.

12. Cây nhãn, vải: Bệnh chổi rồng nhãn, bọ xít nâu, sâu đo, bệnh thán thư, bệnh sương mai hại tăng.

13. Cây ăn quả có múi: Sâu đục quả; bệnh chảy gôm, bệnh vàng lá thối rễ, bệnh Greening,... tiếp tục phát sinh và gây hại.

14. Cây rừng trồng: Sâu đục thân, mối, bệnh đốm lá, chết héo, thán thư và các đối tượng sâu, bệnh hại khác gây hại rải rác.

IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ VÀ CÁC CÔNG VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN Ở ĐỊA PHƯƠNG TRONG THÁNG TỚI:

Các trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp tục căn cứ Văn bản số 1217/SNN-BVTVTBVT, ngày 29/4/2022 về việc triển khai kế hoạch sản xuất và hướng dẫn khung lịch thời vụ, cơ cấu giống cây trồng vụ Hè thu năm 2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT theo dõi chặt chẽ tình hình sinh vật gây hại và phối hợp với các cơ quan, đơn vị chuyên môn cấp huyện, UBND cấp xã tuyên truyền hướng dẫn phòng chống các đối tượng sinh vật gây hại chính trên lúa, rau màu, cây công nghiệp.

Bổ trí cán bộ điều tra, tổng hợp báo cáo các đối tượng SVGH trên cây ăn quả như cây sầu riêng, cây chuối, cây chanh dây, cây nhãn, vải, xây dựng tuyến điều tra, tại các vùng đã, đang được cấp mã vùng trồng tại địa phương...

*** Trên lúa vụ Hè Thu 2022**

- Hướng dẫn nông dân thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, phát hiện sớm sâu bệnh như bọ trĩ, rầy nâu, rầy lưng trắng, ốc bươu vàng, Bọ trĩ, sâu keo, sâu cuốn lá nhỏ ... có biện pháp xử lý kịp thời.

- Rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân, bệnh đạo ôn lá, bệnh khô vằn,.....tiếp tục gây hại chủ yếu lúa giai đoạn đẻ nhánh - đòng trổ.

- Chuột: Gây hại cục bộ trên lúa Hè Thu giai đoạn đẻ nhánh - đòng trổ.

- Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 của Bộ NN&PTNT về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

*** Cây ngô:** Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát phòng chống hiện tượng lùn xoắn lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô. Tổ chức phun trừ cho những nơi có mật độ sâu cao, hướng dẫn nông dân chủ động phòng trừ sâu bằng các biện pháp ngắt ổ trứng đem tiêu hủy và phun các loại thuốc đúng nồng độ và liều lượng theo khuyến cáo, phun kép 2-3 lần, mỗi lần cách nhau từ 7-10 ngày.

*** Trên cà phê:** Tăng cường kiểm tra theo dõi sát diễn biến của rệp sáp hại cành và các đối tượng sâu, bệnh hại khác (rỉ sắt, nấm hồng, thối nứt thân, tuyến trùng, một đục cành, một đục quả...).

*** Trên cây tiêu:** Kiểm tra diễn biến bệnh chết nhanh, vàng lá chết chậm, tuyến trùng gây hại rễ và hướng dẫn người dân phòng trừ...

*** Trên cây sắn:** Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn, hướng dẫn xử lý triệt để phun trừ môi giới truyền bệnh, tiến hành nhổ bỏ và tiêu hủy những diện tích sắn bị nhiễm bệnh khảm lá sắn do virus, không sử dụng cây bị bệnh làm giống.

*** Trên cây sầu riêng:** Tăng cường hướng dẫn nông dân trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương áp dụng quy trình kỹ thuật trồng chăm sóc vườn cây, quy trình quản lý bệnh *Phytophthora* hại trên cây sầu riêng.

***Trên ca cao, điều, cao su:** Tiếp tục theo dõi các đối tượng như bệnh nấm hồng, loét sọc miệng cao trên cây cao su, bộ xít muối, bệnh thán thư hại điều.

*** Đối với rừng trồng:** Hướng dẫn các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại cây rừng trồng cho các chủ rừng theo công văn hướng dẫn số 649/SNN-TTBVTV ngày 31/03/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành.

*** Trên cây rau:** Ứng dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp IPM vào phòng trừ và sản xuất rau theo quy trình an toàn, chương trình VietGap, sản xuất rau hữu cơ.

*** Cây trồng khác:** Hướng dẫn nông dân phòng trừ sâu bệnh trên cây ăn trái như: Bệnh chổi rồng hại nhãn, chôm chôm, bệnh đốm nâu thanh long, sâu bệnh hại cam quýt, xoài... theo quy trình phòng trừ của Cục BVTV đã ban hành. Đồng thời triển khai, phổ biến Quy trình quản lý tổng hợp bệnh héo vàng lá chuối theo Công văn số 173/TTBVTV-BVTV ngày 15/3/2021 của Chi cục Trồng trọt và BVTV.

- Khuyến cáo nông dân sử dụng các loại thuốc sinh học, thuốc BVTV ít độc hại trên cây trồng đảm bảo thời gian cách ly và tuân thủ nguyên tắc “4 đúng” đúng thuốc, đúng nồng độ và liều lượng, đúng lúc, đúng cách trong sử dụng thuốc BVTV.

- Tổ chức phòng trừ kịp thời những đối tượng có mật độ và tỷ lệ hại cao, tránh để lây lan trên diện rộng, cảnh báo sâu, bệnh ngay từ đầu vụ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo CC (b/c);
- Trạm TTBVTV các huyện, Tx, Tp (T/h);
- Trang Web (CC.TTBVTV);
- Lưu VT- P.BVTV (G-25b).

**KT.CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Vũ Thị Thanh Bình

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH

Từ ngày 16 tháng 06 đến hết ngày 15 tháng 07 năm 2022

Cây trồng	Tên SVGH	GĐST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	So kỳ trước	So CKNT	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng		(+/-)	(+/-)		
Nhóm cây: Cây ăn quả													
Bơ	Bọ xít muỗi	Quả xanh-thu hoạch	5 - 10	16	2	0	0	2	0	2.0	2.0	0	Krông Năng
Cây có múi	Sâu vẽ bùa	cac giai doan-		20 - 25	7	3	0	10	0	0.0	10.0	3	Ea Kar
	Bệnh greening	kinh doanh-	10 - 15	30 - 35	2.5	2	0	4.5	0	-1.5	4.5	2	Ea Kar
	Sâu cuốn lá	la non-	8	25	2	2	0	4	0	-2.0	4.0	2	Ea Kar
Chanh leo	Ruồi đục quả	Các giai đoạn-quả non	5 - 8	10 - 15	2	2	0	4	0	0.0	4.0	2	TX Buôn Hồ, Ea Kar
	Bệnh đốm nâu	Các giai đoạn-PTTL	6 - 10	12 - 22	2	1.5	0	3.5	0	0.3	3.5	2	TX Buôn Hồ, Ea Kar
Nhãn	Sâu đục quả	qua xanh	10	20	2	0.5	0	2.5	0	2.5	2.5	2	Ea Kar
Sầu riêng	Rầy bông (rầy phấn, tua trắng)	la non-các giai đoạn-chăm sóc	3 - 15	10 - 25	28	6	0	34	0	0.0	34.0	28	Krông Búk, Ea Kar, Krông Pắc, Krông Năng
	Bệnh thán thư	quả non-các giai đoạn-	3 - 7	8 - 20	8	3	0	11	0	0.0	11.0	5	TX Buôn Hồ, Krông Pắc, Krông Năng
	Bệnh đốm rong (Tảo)	các giai đoạn-	3 - 13	6 - 24	8	3	0	11	0	-1.0	11.0	5	Krông Pắc, TX Buôn Hồ
	Sâu đục quả	qua xanh-	7 - 10	20	6	4	0	10	0	5.0	10.0	4	Ea Kar
	Bệnh cháy lá, chết đột	la non	7	20	4	2	0	6	0	6.0	6.0	3	Ea Kar
	Rầy nháy	Quả non; KTCB	5 - 9	17	5	0	0	5	0	0.0	5.0	0	Krông Năng
	Bệnh thối trái	qua xanh-	8 - 10	15	3	1	0	4	0	4.0	4.0	4	Ea Kar
	Bệnh chảy gôm	quả non-KTCB	5 - 9	12 - 15	1.5	1	0	2.5	0	2.5	2.5	0	Krông Năng
Nhóm cây: Cây CN lâu năm													
Ca cao	Bệnh muội đen	các giai đoạn-cac giai đoạn	8 - 10	25	6	3	0	9	0	0.0	9.0	5	Ea Kar

	Bộ xít muỗi	Cac giai doan-	8 - 15	20 - 25	5	2	0	7	0	-1.0	7.0	5	Ea Kar
	Bệnh cháy lá	Cac giai ddoan	15	30	3	2	0	5	0	5.0	5.0	2	Ea Kar
Cà phê	Rệp sáp	Quả non-chăm sóc, trái non	3 - 10	5 - 20	30	5	0	35	0	-6.0	35.0	19	Krông Búk, TX Buôn Hồ, Ea Kar, Krông Năng
	Bệnh khô cành	quả non-Quả non-chăm sóc	1 - 10	3 - 25	20.5	8	0	28.5	0	3.5	28.5	16	Krông Búk, Ea Kar, TX Buôn Hồ, Krông Pắc, Krông Năng, Cư Kuin
	Bệnh gỉ sắt	quả non-các giai đoạn	3 - 15	8 - 27	22	6	0	28	0	0.0	28.0	13	Krông Búk, Ea Kar, Krông Pắc, TX Buôn Hồ
	Rệp vảy (xanh, nâu)	Quả non; KTCB	4 - 10	10 - 26	12	7	0	19	0	-2.0	19.0	6	TX Buôn Hồ, Krông Pắc, Krông Năng
	Sâu đục thân mình hồng	Cac giai doan-	8	15 - 25	6	3	0	9	0	9.0	9.0	5	Ea Kar
	Bệnh đốm mắt cua	quả non-	5 - 14	23 - 25	5	2	0	7	0	-1.0	7.0	5	Krông Pắc
	Bọ cánh cứng ăn lá cà phê	Quả non; KTCB	5 - 10	16 - 18	7	0	0	7	0	0.0	7.0	0	Krông Năng
	Mọt đục cành	quả non-	3	5	4	2	0	6	0	-6.0	6.0	0	TX Buôn Hồ
	Bệnh nấm hồng	quả non-chăm sóc	3 - 5	6 - 10	4	2	0	6	0	-1.0	6.0	1	TX Buôn Hồ, Krông Búk
	Rụng quả cà phê	Quả non-Quả non	5 - 10		3	0	0	3	0	1.0	3.0	2	Cư Kuin
Điều	Bọ xít muỗi	Lá,chồi non,KTCB-	4 - 10	10 - 25	19	6	0	25	0	-3.0	25.0	12	Krông Búk, Ea Kar, Krông Pắc
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn-thu hoạch, chăm sóc-	5 - 15	10 - 35	17	5	2	24	0	-12.0	24.0	11	Krông Búk, Ea Kar
	Sâu đục thân, cành	phát triển thân lá	3	7	2	0	0	2	0	-1.0	2.0	1	Krông Pắc
Hồ tiêu	Bệnh chết chậm	chăm sóc, phân hóa mầm hoa-các giai đoạn	1 - 15	6 - 25	86.4	26	10.9	123.3	0	6.0	123.3	10	Buôn Đôn, Cư M'gar, TX Buôn Hồ, Ea Kar, Krông Pắc, Krông Búk, Krông Năng, Cư Kuin
	Bệnh chết nhanh	chăm sóc, phân hóa mầm hoa	1 - 10	2 - 15	38.8	13.6	8	60.4	0	6.8	60.4	3.8	Buôn Đôn, TX Buôn Hồ, Krông Pắc, Ea Kar, Cư Kuin, Krông Năng
	Bọ xít lười	Ra hoa-quả non	5 - 10	9 - 30	28	5	0	33	0	21.0	33.0	26	Krông Búk, Krông Pắc, Krông Năng, Ea Kar, Cư Kuin

	Bệnh đốm tảo	phân hóa mầm hoa	3 - 11	6 - 25	11	5	0	16	0	4.0	16.0	9	TX Buôn Hồ, Krông Búk, Krông Păk
	Bệnh nấm hồng	Kinh doanh-	10 - 20	25 - 35	8	5	0	13	0	0.0	13.0	5	Ea Kar
	Tuyến trùng	chăm sóc, phân hóa mầm hoa-	6 - 10	15	7	4	0	11	0	0.0	11.0	1	TX Buôn Hồ, Cư Kuin
	Bệnh thán thư	ra hoa-Phân hóa mầm hoa	4 - 7	8	7	0	0	7	0	0.0	7.0	5	Krông Păk, Cư Kuin
Nhóm cây: Cây CN ngắn ngày													
Mía	Sâu đục thân	PTTL	10	15	5	3	0	8	0	8.0	8.0	3	Ea Kar
	Bệnh phấn trắng	PTTL-	8 - 10	25	4	1	0	5	0	5.0	5.0	2	Ea Kar
Sắn (Mì)	Khảm lá virus	phát triển thân lá-	5 - 40	70 - 90	45	0	8	53	0	0.0	53.0	0	Ea Súp
	Bệnh đốm lá VK	PTTL	8	25	3	1	0	4	0	4.0	4.0	1	Ea Kar
Nhóm cây: Cây lương thực khác													
Ngô (Bắp)	Sâu keo mùa thu	PTTL, trổ cờ	2 - 15	4 - 35	10	1.6	0	11.6	0	1.6	11.6	8	Krông Búk, Ea Kar
	Sâu cắn lá	PTTL	2	3	3	2	0	5	0	0.0	5.0	0	TX Buôn Hồ
	Sâu đục bắp	trổ cờ, phun râu	1	3	1.5	2	0	3.5	0	3.5	3.5	0	TX Buôn Hồ
	Đốm lá nhỏ	PTTL-Trổ cờ, phun râu	2	4	2	1	0	3	0	3.0	3.0	0	TX Buôn Hồ
Nhóm cây: Lúa													
Lúa	Ốc bươu vàng	đẻ nhánh	1 - 20	3 - 25	13	3	0	16	0	0.0	16.0	7	Krông Păk, Ea Kar
	Bọ trĩ (bù lạch)		5 - 15	10 - 25	10.5	4	0	14.5	0	14.5	14.5	5	Ea Kar, Krông Păk, TX Buôn Hồ
	Sâu đục thân (Dảnh héo)	, đẻ nhánh	10 - 20	25 - 35	5	4	0	9	0	9.0	9.0	8	Ea Kar
	Bệnh đạo ôn lá	Đẻ nhánh-	5 - 7		5	0	0	5	0	5.0	5.0	5	Cư Kuin
	Nghệt rể	đẻ nhánh	15 - 20		5	0	0	5	0	5.0	5.0	0	Ea Súp
	Bệnh sinh lý do thiếu vi lượng	Đẻ nhánh	7 - 10		3	0	0	3	0	3.0	3.0	3	Cư Kuin
	Muỗi hành (sâu năn)	Đẻ nhánh	7 - 10		2	0	0	2	0	2.0	2.0	2	Cư Kuin

	Nhóm cây: Rau màu												
Bầu bí	Bệnh giả sương mai	các giai đoạn	5	14	4	1	0	5	0	0.0	5.0	4	Krông Pắc
	Bọ trĩ	các giai đoạn	12	22	3	0	0	3	0	0.0	3.0	2	Krông Pắc
Hành tỏi	Bệnh đốm vòng	PTTL-	8	18 - 20	2	0.8	0	2.8	0	2.8	2.8	1	Ea Kar
	Bệnh thối nhũn	PTTL-	7 - 10	15 - 18	1.7	0.8	0	2.5	0	1.0	2.5	1	Ea Kar
	Dòi đục lá	PTTL-Cây con	8 - 10	20 - 25	0.6	0.4	0	1	0	-0.6	1.0	0.5	Ea Kar
Mướp đắng (khổ qua)	Bệnh lở cổ rễ	Cây con	3 - 5		1	0	0	1	0	1.0	1.0	1	Cư Kuin
Ớt	Bệnh thán thư	qua non-	8 - 10	25	2	2	0	4	0	1.7	4.0	3	Ea Kar
	Ruồi đục trái ớt	trái xanh-trái xanh	8 - 10	20	1.6	0.8	0	2.4	0	0.0	2.4	1	Ea Kar
Rau cải ăn lá	Sâu tơ	cây con-	10 - 15	20 - 25	3	2	0	5	0	0.0	5.0	2	Ea Kar
	Bọ nhảy	các giai đoạn-Cây con	2 - 10	6	1.5	0	0	1.5	0	1.0	1.5	3	TX Buôn Hồ, Cư Kuin
	Sâu xanh bướm trắng	các giai đoạn-	1	3	1	0.3	0	1.3	0	0.0	1.3	0	TX Buôn Hồ
Rau thập tự	Rệp muội	các giai đoạn	10	19	3	0	0	3	0	0.0	3.0	3	Krông Pắc
	Sâu tơ	cây con	7	15	1	0	0	1	0	-1.0	1.0	1	Krông Pắc